

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Việt Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhung và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2018/TLST-HN&GD ngày 27 tháng 02 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị T**; sinh năm: 1997.

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, (Có mặt).

2. Bị đơn: **Anh Quàng Văn L**; sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con đề ngày 26/02/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L đều thống nhất kết hôn ngày 17/11/2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị Lò Thị T khai trong quá trình chung sống, anh chị sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp; kể từ khi chị T sinh con ngày 20/5/2017 anh L nghiện chất ma túy, anh chị sống ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, anh L không quan tâm đến vợ, con. Anh Quàng Văn L khai trong quá trình chung sống, anh chị không có mâu thuẫn gì, đến tháng 4/2017 trước khi chị T sinh con về bố mẹ đẻ sinh sống, anh L cũng về đó ở cùng chị T 02 tháng; đến tháng 6/2017 anh L muốn đưa con về bên nội ra mắt bố mẹ, nhưng gia đình bên ngoại cùng chị T không đồng ý và cho rằng anh L nghiện chất ma túy; thực tế anh L không nghiện chất ma túy, mà do sự ngăn cản của gia đình bên ngoại, nên từ đó anh chị sống ly thân

cho đến nay. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn anh Quàng Văn L nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L có một con chung, cháu Quàng Đức D, sinh ngày 20/5/2017. Khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; anh L cũng đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ nên chị đề nghị Tòa án xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Quàng Văn L đi làm thuê ở xa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh L tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh L tại phiên tòa.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc xin ly hôn giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/11/2016 của UBND xã Q xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị Lò Thị T trình bày do tính tình không hợp và do anh L nghiện chất ma túy; anh Quàng Văn L cho rằng giữa anh chị không có mâu thuẫn gì, nhưng do ngăn cản của gia đình bên ngoại không cho anh đưa con về thăm bên nội, nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Chị Lò Thị T yêu cầu ly hôn anh Quàng Văn L nhất trí ly hôn.

Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của chị T về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa; anh L vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của anh L trong quá trình giải quyết vụ án thì giữa anh chị không có mâu thuẫn là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân từ tháng 6/2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh T, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T, anh L đã trầm trọng, không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ không thành. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh L đã trở nên trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Chị Lò Thị T, anh Quảng Văn L đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai; căn cứ tình trạng hôn nhân, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T.

[4] Về con chung: Chị Lò Thị T, anh Quảng Văn L đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, cháu Quảng Đức D, sinh ngày 20/5/2017 dưới 36 tháng tuổi theo quy định của pháp luật, được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; mặt khác tính chất công việc của anh Quảng Văn L thường xuyên đi làm thuê xa nhà không thể thực hiện nghĩa vụ và quyền của người cha theo quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét thấy yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị T đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu Quảng Đức D; bởi ở độ tuổi này cháu D cần sự trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó yêu cầu nuôi con của chị T, Hội đồng xét có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Quảng Văn L thống nhất không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình
- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Quảng Văn L.

2. Về con chung:

Chị Lò Thị T có nghĩa vụ, quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Quàng Đức D, sinh ngày 20/5/2017. Chị T không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu anh Quàng Văn L cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu anh L cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Quàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị T.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/4/2018).

Anh Quàng Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- UBND xã Quài Tở.
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương

